

PHỤ LỤC: BẢNG KHỐI LƯỢNG CHÀO GIÁ

(Đính kèm văn bản số 177/TH-KHĐT ngày 04/9/2025 về việc đề nghị chào giá công trình: Nhà để xe máy giữa tháp nước và kho 2500m², bể xử lý nước thải tòa nhà văn phòng Cảng và khu vực xịt rửa thiết bị

STT	TÊN CÔNG TÁC	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	GHI CHÚ
I	Nhà để xe máy giữa tháp nước và kho 2500m²			
1	Thu gom xà bần, rác thải hiện hữu tại mặt bằng công trường	Công	2.000	
2	Cắt mạch bê tông hiện hữu chống nứt vỡ trước khi đào móng	10m	3.240	
3	Phá dỡ kết cấu bê tông hiện hữu không cốt thép bằng máy khoan bê tông 1,5kw	m ³	0.772	
4	Đào móng cột, giằng bằng thủ công, rộng ≤3m, sâu ≤1m - Cấp đất IV	1m ³	1.342	
5	Ván khuôn gỗ chân cột và xà dầm, giằng	100m ²	0.288	
6	Bê tông lót móng SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, rộng ≤250cm, M100, đá 4x6, PCB30	m ³	0.390	
7	Lắp dựng cốt thép móng, ĐK ≤10mm	tấn	0.170	
8	Bê tông xà dầm, giằng nhà SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều cao ≤6m, M300, đá 1x2, PCB40	m ³	2.070	
9	Cạo bỏ lớp sơn cũ trên bề mặt - bê tông	m ²	25.000	
10	Sơn vạch phân ô đỗ xe máy lên bề mặt bê tông bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	1m ²	25.000	
11	Xây tường thẳng gạch bê tông 9,5x6x20cm - Chiều dày 22cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m ³	4.320	
12	Trát tường trong dày 2cm, vữa XM M75, PCB40	m ²	47.160	
13	Sơn tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m ²	43.200	
14	Sắp xếp, vận chuyển vật tư I, H tận dụng từ kho của PTSC Thanh Hóa ra công trường thi công	Trọn gói	1.000	
15	Lắp đặt bulong chờ cột M20 L400mm	Cái	32.000	
16	Gia công cột bằng thép hình I, H tận dụng của PTSC Thanh Hóa	tấn	1.925	
17	Gia công tấm thép chân đế và đầu cột và tấm tăng cứng tận dụng của PTSC Thanh Hóa	tấn	0.136	
18	Lắp dựng cột bằng thép hình	tấn	2.061	
19	Cạo bỏ lớp sơn cũ trên bề mặt - kim loại	m ²	55.000	
20	Sơn sắt thép bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	1m ²	55.000	
21	Gia công xà gồ thép	tấn	0.615	
22	Lắp dựng xà gồ thép	tấn	0.615	
23	Lợp mái che tường bằng tôn 5 sóng dày 0,4mm, chiều dài bất kỳ	100m ²	1.530	
24	Máng tôn thu nước U300	m	18.000	
25	Lắp đặt phễu thu - Đường kính 150mm	cái	1.000	
26	Cầu chắn rác DN150	cái	1.000	
27	Lắp đặt ống nhựa PVC miệng bát, nối bằng p/p dán keo, đoạn ống dài 6m - Đường kính 150mm	100m	0.060	
28	Vệ sinh, Đục gờ và trát thành mương hiện hữu tận dụng	Trọn gói	1.000	
29	San gạt, đầm nền thi công ram dốc bằng thủ công	Công	2.000	
30	Gia công, lắp đặt cốt thép tấm đan	tấn	0.051	
31	Thi công bê tông tấm đan bằng thủ công M300	m ³	0.630	
32	Lắp dựng cầu kiện bê tông đúc sẵn, panen bằng máy	cái	5.000	
33	Nilong chống mất nước xi măng	m ²	14.700	

34	Ván khuôn gỗ ramp dốc	100m ²	0.032
35	Lắp dựng cốt thép móng, ĐK ≤10mm	tấn	0.130
36	Bê tông nền, máy bơm BT tự hành, M300, đá 1x2, PCB40	m ³	2.610
37	Xây gờ chắn xe cao 0,5m bằng gạch bê tông 9,5x6x20cm - Chiều dày 22cm, vữa XM M75, XM PCB40	m ³	0.308
38	Trát tường trong dày 2cm, vữa XM M75, PCB40	m ²	3.856
39	Sơn vàng đồ gờ chắn bánh xe bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m ²	3.856
40	Biển nhà xe	Cái	1.000
41	Lắp đặt cột biển báo	Cái	1.000
42	Lắp đặt dây dẫn 2 ruột 2,5mm ² cấp nguồn	m	20.000
43	Lắp đặt dây dẫn 2 ruột 1,5mm ²	m	70.000
44	Lắp đặt ống ruột gà bảo vệ dây dẫn điện	m	90.000
45	Lắp đặt tủ điện kích thước 20x20cm	hộp	1.000
46	Lắp đặt các automat 1 pha 16A	cái	1.000
47	Lắp đặt công tắc 1 hạt đèn chiếu sáng	cái	3.000
48	Lắp đặt đế và hộp điện lắp công tắc	Cái	2.000
49	Lắp đặt đèn có chụp bóng đèn led 30W Rạng đông	bộ	4.000
50	Lắp dựng cột đèn bằng thủ công (cột đèn tận dụng của PTSC Thanh Hóa, cột bê tông cao ≤ 10m)	cột	1.000
51	Đào móng chân cột đèn KT 0,6x0,6x0,6m	1m ³	0.216
52	Lắp đặt bulong chờ cột M20 L400mm	Cái	4.000
53	Bê tông móng cột điện, đổ bằng thủ công, M300, đá 1x2, PCB40	m ³	0.216
54	Lắp đặt bóng đèn đường led 30W Rạng đông	Cái	1.000
II	BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI TÒA NHÀ VĂN PHÒNG CẢNG		
1	Cắt mặt nền bê tông xi măng hiện hữu chiều dày lớp cắt 10cm	100m	0.114
2	Bóc bỏ lớp bê tông hiện trạng Độ dày trung bình 10cm	m ³	0.810
3	Đào móng bể phốt bằng thủ công, rộng ≤3m, sâu ≤2m	1m ³	15.390
4	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 5T, phạm vi ≤1000m - Cấp đất III	100m ³	0.162
5	Đắp cát mang móng xung quanh bể phốt bằng thủ công	m ³	1.596
6	Ván khuôn bê tông lót	100m ²	0.011
7	Bê tông lót móng bể phốt SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, rộng ≤250cm, M100, đá 4x6, PCB30	m ³	0.810
8	Ván khuôn móng, giằng móng	100m ²	0.021
9	Bê tông đáy bể phốt SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, rộng ≤250cm, M250, đá 1x2, PCB40	m ³	1.400
10	Lắp dựng cốt thép móng, ĐK ≤10mm	tấn	0.085
11	Xây tường thẳng gạch bê tông 9,5x6x20cm - Chiều dày 9,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m ³	4.010
12	Trát tường trong dày 2cm, vữa XM M75, PCB40	m ²	28.214
13	Quét nước xi măng 2 nước	m ²	35.214
14	Lắp dựng cốt thép tấm đan, ĐK ≤10mm	tấn	0.059
15	Bê tông tấm đan bể phốt, bê tông M250, đá 1x2, PCB40 - Đổ bê tông đúc sẵn bằng thủ công (vữa bê tông sản xuất bằng máy trộn)	m ³	0.700
16	Lắp dựng cấu kiện bê tông đúc sẵn, tấm mái bằng máy	cái	4.000
17	Lắp đặt ống nhựa PVC miệng bát, nối bằng p/p dán keo, đoạn ống dài 4m - Đường kính 110mm	100m	0.030
18	Lắp đặt cút T nhựa miệng bát nối bằng p/p dán keo - Đường kính 89mm	cái	4.000

19	Lắp đặt ống thờ nhựa PVC miệng bát, nối bằng p/p dán keo, đoạn ống dài 4m - Đường kính 32mm	100m	0.150	
20	Lắp đặt nắp bịt nhựa miệng bát nối bằng p/p dán keo - Đường kính D110mm	cái	4.000	
21	Lắp đặt nắp bịt nhựa miệng bát nối bằng p/p dán keo - Đường kính D150mm	cái	3.000	
22	Lắp đặt ống nhựa PVC miệng bát, nối bằng p/p dán keo, đoạn ống dài 4m - Đường kính 90mm	100m	0.850	
23	Lắp đặt ống nhựa PVC miệng bát, nối bằng p/p dán keo, đoạn ống dài 4m - Đường kính 110mm	100m	0.300	
III	BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI KHU VỰC XỊT RỬA THIẾT BỊ			
1	Cắt mạch bê tông bằng máy - Chiều dày 12cm	m	9.000	
2	Phá dỡ kết cấu bê tông có cốt thép tạo rãnh thu nước bằng máy khoan bê tông 1,5kw	m3	0.259	
3	Trát thành và đáy rãnh thoát nước dày 1cm, vữa XM M75, PCB40	m2	5.400	
4	Đục lỗ hố thu và đào đất chôn ngầm ống PVC D110	Trộn gói	1.000	
5	Lắp đặt ống nhựa PVC miệng bát, nối bằng p/p dán keo, đoạn ống dài 6m - Đường kính 110mm	100m	0.100	
6	Đào móng bể phốt bằng thủ công, rộng $\leq 3m$, sâu $\leq 2m$	1m3	17.782	
7	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 5T, phạm vi $\leq 1000m$ - Cấp đất III	100m3	0.178	
8	Đắp cát mang móng xung quanh bể phốt bằng thủ công	m3	2.364	
9	Ván khuôn bê tông lót	100m2	0.016	
10	Bê tông lót móng SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, rộng $\leq 250cm$, M100, đá 4x6, PCB30	m3	1.111	
11	Ván khuôn móng, giằng móng	100m2	0.030	
12	Bê tông móng SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, rộng $\leq 250cm$, M250, đá 1x2, PCB40	m3	1.916	
13	Lắp dựng cốt thép móng, $\text{ĐK} \leq 10mm$	tấn	0.135	
14	Xây tường thẳng gạch bê tông 9,5x6x20cm - Chiều dày 22cm, chiều cao $\leq 6m$, vữa XM M75, XM PCB40	m3	6.258	
15	Trát tường thành bể dày 2cm, vữa XM M75, PCB40	m2	61.131	
16	Quét nước xi măng 2 nước	m2	70.709	
17	Lắp dựng cốt thép tấm đan, $\text{ĐK} \leq 10mm$	tấn	0.060	
18	Bê tông tấm đan, bê tông M250, đá 1x2, PCB40 - Đổ bê tông đúc sẵn bằng thủ công (vữa bê tông sản xuất bằng máy trộn)	m3	0.641	
19	Lắp dựng cấu kiện bê tông đúc sẵn, tấm mái bằng máy	cái	5.000	
20	Lắp đặt ống nhựa PVC miệng bát, nối bằng p/p dán keo, đoạn ống dài 6m - Đường kính 110mm	100m	0.060	
21	Lắp đặt nút T nhựa miệng bát nối bằng p/p dán keo - Đường kính 89mm	cái	3.000	
22	Gia công, lắp đặt tấm thép chắn đất đá - Chiều dày thép 10mm (Vật tư thép tấm tận dụng của PTSC Thanh Hóa)	tấn	0.275	
23	Gia công tay cầm cho tấm thép	cái	10.000	
24	Máng U bằng Inox kích thước 100+50+100mm	m	4.000	
25	Tấm lọc dầu D0 khung inox kích thước 1x1m	Cái	2.000	